UBND HUYỆN KHOÁI CHÂU
TRƯỜNG TH ĐÔNG KẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 253/BC-THĐK

Đông Kết, ngày 26 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO
Thực hiện công khai thường niên năm học 2024-2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Đông Kết

2. Địa chỉ:

- Thôn Đông Kết– xã Đông Kết – huyện Khoái Châu – tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: 0975778103
- Website: https://c1dongketkc.hungyen.edu.vn/

3. Loại hình: Trường Tiểu học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Khoái Châu.

5. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu

Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường thân thiện, đoàn kết, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao.

Tầm nhìn: Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại

Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nền nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

6. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Lịch sử hình thành: Đông Kết là xã nằm phía Tây của Huyện Khoái Châu, giáp ranh các xã Tứ Dân, Tân Châu, Liên Khe, Đông Ninh và Bình Kiều. Xã có 5 thôn: Bắc Châu, Trung Châu, Đông Kết, Lạc Thủy và Hồng Thái. Tổng diện tích: 636,6 ha, với số dân 11450 người. Thu nhập bình quân đầu người 57 triệu/người/năm. Đảng có 412 thành viên. Đông Kết là xã hội truyền thống cách mạng, trong thời trang kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Đảng bộ và nhân dân được nhà nước phong tặng danh hiệu "Xã anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân".

Trường TH Đông Kết (tiền thân là PHCS cấp I và cấp II Đông Kết) được thành lập từ 1990, tách ra từ trường PTCS Đại Hưng năm 1990 có tên gọi là Trường PTCS cấp 1 xã Đông Kết. Trong những năm đầu mới tách, trường còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất. Trong quá trình xây dựng và phát triển, nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của các Đảng cung cấp, chính quyền địa phương , các ngành thể thao và nhân dân, giúp các trường hoàn thành mục tiêu giáo dục. Nhà trường luôn đi đúng đường giáo dục của Đảng và Nhà nước, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng môi trường sư phạm lành

mạnh, thân thiện. Trường Tiểu học Đông Kết có nhiều năm đạt danh hiệu: Tập thể lao động tiên tiến , được Sở GD&ĐT tặng Giấy khen.

Trường Tiểu học Đông Kết là trường công lập do UBND huyện Khoái Châu thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; thực hiện chương trình GD tiểu học do Bộ GD&ĐT ban hành trên địa bàn xã Đông Kết.

- Xây dựng phát triển nhà trường các quy định của Bộ GD&ĐT và nhiệm vụ giáo dục phát triển của địa phương, Thực hiện kiểm định chất lượng GD. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của phát luật.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Phan Thị Đào Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Đông Kết, xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Số điện thoại: 0975778103 Gmail: phandao73@gmai.com

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập trường

Trường Tiểu học Đông Kết được thành lập theo Quyết định số UBND huyện Khoái Châu

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 22/07/2024 của UBND huyện Khoái Châu Về việc kiện toàn thành viên Hội đồng trườngTrường TH Đông Kết nhiệm kỳ 2021 – 2026. Danh sách Hội đồng trường:

STT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức danh hội đồng
1	Bà Phan Thị Đào	H.trưởng	TH Đông Kết	CTHĐ
2	Ông Lê Đình Ánh	PCTUBND	UBND xã	PCTHĐ
3	Đỗ Thị Thuý A	Giáo viên	TH Đông Kết	Thư ký
4	Ngô Trọng Tuệ	CTCĐ	TH Đông Kết	Thành viên
5	Đỗ Kim Tuyến	TPT	TH Đông Kết	Thành viên
6	Lê Thị Hương	TBTTND	TH Đông Kết	Thành viên
7	Lê Thị Hiền	BTĐ	TH Đông Kết	Thành viên
8	Đỗ Thị Phương	Tổ trưởng tổ 1	TH Đông Kết	Thành viên
9	Nguyễn Thị Quế	Tổ trưởng tổ 2+3	TH Đông Kết	Thành viên
10	Nguyễn Thị Phương	Tổ trưởng tổ 4+5	TH Đông Kết	Thành viên
11	Đỗ Trọng Nghĩa	BĐD cha mẹ hs	TH Đông Kết	Thành viên

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng.

Quyết định số 1776/ QĐ-UBND ngày 29/5/2024 của UBND huyện Khoái Châu Về việc điều động, bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học đối với bà Phan Thị Đào chức vụ Hiệu trưởngtrường Tiểu học Đông Kết

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động

- Cơ chế hoạt động của trường Tiểu học Đông Kết

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Trường Tiểu học Đông Kết được thành lập theo Quyết định của UBND huyện Khoái Châu. Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, có điều kiện để xây dựng trường trở thành một trường Tiểu học trọng điểm của địa bàn huyện Khoái Châu.

Trường Tiểu học Đông Kết là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Phòng GD&ĐT huyện Khoái Châu.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT
- Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.
- Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.
- Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD); bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 25 đảng viên.

+ Tổ chức Công đoàn có 33 công đoàn viên.

+ Tổ chức Đoàn đội: có 15 lớp sao nhi đồng và 12 chi đội.

+ Ban đại diện CMHS.

+ Các tổ chuyên môn: 03 tổ chuyên môn.

7.5. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Phan Thị Đào	Hiệu trưởng	0975778103	phandao73@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Đông Kết, xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

7.6. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

- Kế hoạch Chiến lược phát triển của nhà trường; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ.

II. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

1.1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo.

STT	Nội dung	TS	Trình độ đào tạo			Hạng chức dang nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp		
			T.S	ĐH	CĐ	IV	III	II	T	K	TB
Tổng số GV, CBQL và NV		**33**	**1**	**31**	**1**		**28**	**5**	**17**	**12**	

I	**Cán bộ quản lý**	**1**	**1**					**1**	**1**	**0**	
1	Hiệu trưởng	1	1					1	1	0	
2	P. Hiệu trưởng	0									
II	**Giáo viên**	**30**	**0**	**29**	**1**		**26**	**4**	**16**	**12**	
1	GVVH	23	0	22	1		22	1	16	6	
2	Ngoại ngữ	2		2				2		2	
3	Âm nhạc	1		1			1			1	
4	Mỹ Thuật	2		2			2			2	
5	Giáo dục TC	1		1				1		1	
6	GV Tin học	1		1			1			0	
III	**Nhân viên**	**2**		**2**			**2**				
1	Nhân viên Kế toán	1		1			1				
2	Nhân viên Thư viện	1		1			1				

1.2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

- Hiệu trưởng: Phòng GD&ĐT đánh giá : Tốt

- Tổng số giáo viên: 30, đánh giá chuẩn là 28 GV, trong đó Tốt 16/28 = 57%; Khá 12/28 = 43%.

1.3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: 33/33 = 100%; trong đó BGH: 01, GV: 30, Nhân viên: 02.

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

2.1. Cơ sở vật chất- diện tích đất, thiết bị dạy học

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học/số lớp**	32/27	Số m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	32	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	**Số điểm trường lẻ**	0	-
IV	**Tổng diện tích đất** (m^2)	8316	8,7
V	**Diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)	2000	
VI	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)	1280	1,33
2	Diện tích thư viện (m^2)	200	0,21
3	*Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m^2)*	0	
4	*Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m^2)*	80	
5	*Diện tích phòng ngoại ngữ (m^2)*	40	
6	*Diện tích phòng học tin học (m^2)*	40	
7	*Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m^2)*	42	

8	*Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m^2)*	0	
9	*Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m^2)*	42	
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	164	
1.1	Khối lớp 1	18	3
1.2	Khối lớp 2	16	2
1.3	Khối lớp 3	40	16
1.4	Khối lớp 4	45	12
1.5	Khối lớp 5	45	15
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	280	
2.1	Khối lớp 1	50	
2.2	Khối lớp 2	60	
2.3	Khối lớp 3	50	
2.4	Khối lớp 4	60	
2.5	Khối lớp 5	60	
VIII	**Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	15	3 HS/bộ
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	5	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Thiết bị khác...	18	
6	…..		

	Nội dung	Số lượng(m^2)
X	**Nhà bếp**	0
XI	**Nhà ăn**	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	0		
XIII	**Khu nội trú**	0		

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*					
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		

*(*Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

		Có	Không

XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	X	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XVII	**Kết nối internet**	x	
XVIII	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	x	
XIX	**Tường rào xây**	x	

2.2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được các cơ quan thẩm quyền phê duyệt

2.2.1. Sách giáo khoa Lớp 1

TT	Tên sách	Tên tác giả	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 1	Trần Diên Hiển (Chủ biên), Nguyễn Đình Khuê, Đào Thái Lai, Nguyễn Thuý Vân.	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 1	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hà, Ngô Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thị Vân Hương, Trần Thị Tố Oanh.	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
4	Tự nhiên và Xã hội 1	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tỉnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục Thể chất 1	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc 1	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đỗ Thanh Hiên.	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
7	Mĩ thuật 1	Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Nhung (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Trần Thị Hương Ly, Hà Thị Quỳnh Nga, Phạm Văn Thuận, Nguyễn Thị Tuệ Thư.	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

8	Hoạt động trải nghiệm 1	Đinh Thị Kim Thoa (Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Vũ Phương Liên, Lại Thị Yến Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang.	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 1	Hoàng Tăng Đức (Chủ biên), Nguyễn Mạnh Cường.	Macmillan Next Move	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

2.2.2. Sách giáo khoa Lớp 2

TT	Tên sách	Tên tác giả	Tên bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Lê Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Trần Kim Phượng, Lê Thị Lan Anh, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 2	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 2	Trần Văn Thắng (Tổng Chủ biên), Ngô Vũ Thu Hằng (Chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hà, Vũ Thị Mai Hường.	Cánh Diều	Nhà xuất bản ĐHSP Thành phố HCM
4	Tự nhiên và Xã hội 2	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tỉnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục Thể chất 2	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn (đồng Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyến, Phạm Mai Vương.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc 2	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố HCM
7	Mĩ thuật 2	Đoàn Thị Mỹ Hương - Đinh Gia Lê (đồng Tổng chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Trần Thị Biển, Bạch	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang, Bùi Quang Tuấn.		
8	Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng chủ biên); Nguyễn Thuỵ Anh, Nguyễn Thanh Bình (đồng Chủ biên); Vũ Thị Lan Anh;Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Lê Thị Luận, Trần Thị Tố Anh, Trần Thị Thu.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 2	Hoàng Tăng Đức (Chủ biên)	Macmillan Next Move	Nhà xuất bản ĐHSP Thành phố HCM

2.2.3. Sách giáo khoa Lớp 3

TT	Tên sách	Tên tác giả	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 3	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phượng. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 3	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Ngô Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thanh Huân, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy.	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
4	Tự nhiên và Xã hội 3	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Tin học 3	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

6	Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Thịnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Giáo dục Thể chất 3	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Âm nhạc 3	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố HCM
9	Mĩ thuật 3	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thuỷ (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thuỵ Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Tiếng Anh 3	Hoàng Tăng Đức (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hoài, Hoàng Thùy Hương.	Macmillan Next Move”	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

2.2.4. Sách giáo khoa Lớp 4

TT	Tên sách	Tên tác giả	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 4	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 4	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

3	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Nguyễn Thị Diễm My, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy.	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
4	Lịch sử và Địa lí 4	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Tin học 4	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục Thể chất 4	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Âm nhạc 4	Lê Anh Tuấn (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.	Cánh diều	NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh
10	Mĩ thuật 4	Đinh Gia Lê (Tổng chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương(đồng Chủ biên). Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thu Thủy(Tổng chủ biên) Nguyễn Thụy Anh(Chủ biên) Nguyễn Thị Thanh Bình, Trần Thị Tố Oanh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh 4	Hoàng Tăng Đức(Chủ biên), Đặng Ngân Giang, Nguyễn Thị Thu Hoài.	Macmillan Next Move	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

2.2.5. Sách giáo khoa Lớp 5

TT	Tên sách	Tên tác giả	Bộ sách	Tổ chức, cá nhân[1]	Đơn vị liên kết[2]
1	Tiếng Việt 5	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hảo Tâm.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
2	Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
3	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Nguyễn Thị Diễm My, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy.	Cánh diều	Công ty Vepic	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
4	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
5	Lịch sử &Địa lý	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

6	Âm nhạc 5	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Trương Thị Thùy Linh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.	Cánh diều	Công ty Vepic	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
7	Mĩ thuật 5	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
8	Tin học 5	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
9	Công nghệ5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
10	Giáo dục thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
11	Tiếng Anh 5	Hoàng Tăng Đức (Chủ biên), Đỗ Thị Thúy Vân, Nguyễn Thị Xuân.	Macmillan Next Move	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	
12	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

3.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

- Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoach tự đánh giá và tự đánh giá chất lượng đạt: Cấp độ 3.
- Có kế hoạch cải tiến chất lượng hàng năm.

3.2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của nhà trường.

- Năm học 2021-2022: Nhà trường đánh giá ngoài theo Quyết định số của Sở GD&ĐT Hưng Yên.

- Kết quả:

+ Kiểm định chất lượng: Đat cấp độ 3

+ Đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2

4. Thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp

Nhà trường rà soát, nghiên cứu chương trình, SGK tổ chức dạy tích hợp, lồng ghép GĐKP, GDQPAN, GDSTEM, GD CDS,…

- Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp: Không

- Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công nhận về chất lượng giáo dục: Sở Giáo dục Hưng Yên

- Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục: Tiếng Việt.

III. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học 2024-2025

1.1. Kế hoạch tuyển sinh

- Nhà trường xây dụng kế hoạch tuyển sinh năm học 2024 – 2025 (Kế hoạch số 60/KH-THĐK ngày 13/5/2024 của trường TH Đông Kết)

- Đối tượng tuyển sinh: Trẻ 6 tuổi sinh năm 2018, trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi. Có hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) ở xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Chỉ tiêu tuyển sinh:

+ Số lớp: 05 lớp

+ Số HS: 170 học sinh

- Thời gian tuyển sinh: Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp: Từ ngày 01/6/2024 đến hết ngày 15/6/2024.

1.2. Kế hoạch giáo dục

Ngay từ đầu tháng 8, nhà trường đã chỉ đạo xây dựng Kế hoạch giáo dục của nhà trường số 164/KH-THĐK ngày 30/8/2024, gồm các hoạt động sau:

- Kế hoạch của nhà trường được xây dựng tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút. Cụ thể:

+ Khối 1 tổ chức dạy 7 buổi/tuần, học cả ngày vào thứ Hai, thứ Năm;

+ Khối 2 tổ chức dạy 7 buổi/tuần, học cả ngày vào thứ Ba, thứ Năm;

+ Khối 3 tổ chức dạy 7 buổi/tuần, học cả ngày vào thứ Ba, thứ Sáu;

+ Khối 4 tổ chức dạy 8 buổi/tuần, học cả ngày vào thứ Hai. Thứ Ba và thứ Sáu.

+ Khối 5 tổ chức dạy 8 buổi/tuần, học cả ngày vào thứ Hai, thứ Tư và thứ Năm.

- Các hoạt động giáo dục bao gồm:

+ Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc;

+ Môn học tự chọn khối 1, 2 (môn Tiếng Anh)

+ Tổ chức tiết học tại thư viện: 1 tiết/tuần theo Khoản 2, Điều 13 của Thông tư 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022.

+ Tổ chức giáo dục ngoài giờ chính khoá: Chương trình Anh -Toán của đối với lớp 4, 5 thời lượng 1 tiết/ tuần; GD STEM đối với khối 1, 2, 3, 4, 5 thời lượng 2 tiết/ tuần.

+ Tổ chức lễ kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm (tổ chức 5 hoạt động giáo dục tập thể định kỳ), thời lượng 18 tiết/năm học.

+ Tổ chức hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường tuần 25 tương đương 8 tiết/ngày.

(Kèm theo Kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025)

1.3. Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh

Nhà trường đã ban hành các văn bản phối hợp và được công khai thông báo tới toàn thể CBGVNV, PHHS toàn trường gồm:

- Kế hoạch số 185/KH-THĐK ngày 09/9/2024 về phối hợp giữa nhà trường, chính quyền địa phương và phụ huynh trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự trường học và quản lý, giáo dục học sinh năm học 2024 - 2025

1.4. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường

Trong năm học, nhà trường tổ chức các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường gồm:

TT	Tên hoạt động	Thời gian tổ chức
1	Khai giảng năm học mới, tổng kết và lễ ra trường cho học sinh lớp 5	05/9/2024 và cuối tháng 5/2025
2	Tổ chức "Trung thu chia sẻ yêu thương"	Chiều 16/9/2024
3	Văn nghệ chào mừng 20/11	18/11/2024
4	Ngày hội vui khoẻ	21/12/2024
5	Hội chợ chào xuân 2025	17/01/2025
6	Trải nghiệm ngoài nhà trường	Từ ngày 14/3 đến ngày 14/3/2025
7	Sách với Bác Hồ	18/4/2025
8	Hoạt động tìm hiểu về Đội, về Bác Hồ	Tháng 5/2025

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	**Tổng số học sinh**	**1002**	**191**	**177**	**206**	**210**	**218**
1	Số lớp	**27**	6	5	6	5	5
2	Tỷ lệ HS/lớp	**37,1**	31,8	35,4	34,3	42	43,6
3	Số học sinh học 2 buổi/ngày	**0**	0	0	0	0	0

4	Số học sinh nữ	**470**	83	81	105	91	110
5	Học sinh dân tộc	**6**	2	2	2	0	0
6	Tổng số HS khuyết tật	**6**	2	3	0	1	0
7	Số HS thuộc diện chính sách	**10**	1	2	4	1	2
8	Tổng số HS chuyển đi trong năm học	**2**	1	0	1	0	0
9	Tổng số HS chuyển đến	**3**	2	0	0	1	0
III	**Kết quả giáo dục**	**784**	**191**	**177**	**206**	**210**	
1	Hoàn thành xuất	**296**	74	67	82	73	
2	Hoàn thành tốt	**149**	41	37	41	30	
3	Hoàn thành	**335**	74	73	83	105	
4	Chưa hoàn thành	**4**	2	0	0	2	
IV	**Chương trình lớp học**	**1002**	**191**	**177**	**206**	**210**	**218**
1	Hoàn thành	**998**	189	177	206	208	218
2	Chưa hoàn thành	**4**	2	0	0	2	0
3	Số học lên lớp	**998**	189	177	206	206	218
4	Số HS đạt vào THCS Nguyễn Thiện Thuật	**8**					8

3. Chương trình giáo dục hợp tác giảng dạy trong giáo dục và hoạt động giáo dục sau giờ chính khoá năm học 2024-2025

TT	Nội dung	Công ty phối hợp	Thời lượng phối hợp trong tuần	Số tuần	Số tiền/tháng/HS
I	**Chương trình giáo dục hợp tác giảng dạy trong giáo dục**				
1	Môn Tiếng Anh tự chọn khối 1, 2	Công ty Cổ phần Giáo dục và Đào tạo Victoria	2 tiết/tuần	35	70.000 đồng/tháng/8 tiết
II	**Chương trình hoạt động giáo dục sau giờ chính khoá**				
2	Hoạt động Giáo dục STEM sau giờ chính khoá	Chi nhánh Hưng Yên -Công ty Cổ phần Đầu tư Giáo dục VINA-STEM	2 tiết/tuần	35	Thu 80.000 đồng/HS/1tháng (8 tiết). Trong đó: Học phí: 65.000 đ/tháng/4 tiết Học liệu học tập: 15.000 đ/tháng

3	Thí điểm Chương trình Tiếng Anh-Toán sau giờ học	Chi nhánh Công ty Cổ phần Giáo và du học quốc tế Việt Úc tại Hưng Yên	1 tiết/tuần	35	100.000 đồng/tháng/4 tiết

III. CÔNG KHAI THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

1.1. Các khoản thu

- Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí);

+ Ngân sách nhà nước cấp năm 2024: 7.758.022.815 đồng

+ Các khoản thu, chi từ người học năm học 2023-2024:

Số TT	Nội dung	Mức thu (đồng)	Tổng thu (đồng)	Tổng chi (đồng)	Tồn (đồng)
1	Tiền điện	7.000	63.423.079	63.357.532	655.347
2	Tiền nước	6.000	54.078.600	53.861.900	216.700
3	Tiền trông xe	6.000	17.000.600	16.902.000	98.600
4	Tiền vệ sinh	5.000	45.005.000	44.549.500	455.500
5	Quỹ nhân đạo	10.000	14.274.500	6.698.000	7.576.500
6	Tiền tiếng Anh Victoria (khối 1,2)	70.000	217.000.000	217.000.000	0
7	Tiền BH Bảo Việt	200.000	185.800.000	185.800.000	0
8	Tiền BHYT	Theo quy định	386.045.400	386.045.400	0

- Kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; Không có

- Nguồn thu khác và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác). Không có

1.2. Công khai thình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách 6 tháng năm 2024 (Tính đến hết 30.6.2024)

STT	Nội dung	Dự toán chi năm 2024	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Dự toán thực hiện 6 tháng Cuối năm 2024	Dự toán thực hiện (6 tháng đầu năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)

A	Tổng số thu, chi, nguồn dịch vụ	**7.758.022.815**	**4.166.499.636**	**3.591.523.179**	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	**7.758.022.815**	**4.166.499.636**	**3.591.523.179**	
1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	**6.604.212.036**	**3.215.253.857**	**3.388.958.179**	
1.1	Tiền lương	2.965.476.168	1.245.859.200	1.719.616.968	
1.2	Lương hợp đồng theo chế độ				
1.3	Phụ cấp lương	1.643.735.491	714.667.605	929.067.886	
1.4	Các khoản đóng góp	794.400.479	345.391.513	449.008.966	
1.5	Tiền thưởng				
1.6	Phúc lợi tập thể				
1.7	Thanh toán dịch vụ công cộng	7.753.904	3.876.952	3.876.952	
1.8	Vật tư văn phòng	50.010.880	20.010.880	30.000.000	
1.9	Thông tin, tuyê truyền, liên lạc	15.552.854	7.776.427	7.776.427	
1.10	Công tác phí	38.160.000	6.270.000	31.890.000	
1.11	Chi phí thuê mướn	289.277.980	139.183.900	150.094.080	
1.12	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	580.276.800	545.276.800	35.000.000	
1.13	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	139.756.080	121.756.080	18.000.000	
1.14	Chi khác	80.090.400	65.463.500	14.626.900	
2	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**1.153.810.779**	**951.245.779**	**202.565.000**	

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm:

- Học phí: Không có
- Lệ phí: Không có

2.1. Các khoản thu và mức thu trong năm học 2024-2025

TT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
1	**Các khoản thu theo quy định**		

1.1	- Bảo hiểm y tế:		
	+ Mức thu 12 tháng (các khối lớp)	Đồng/HS/12 tháng	505.440
	+ Mức thu 13 tháng (HS khối 1)	Đồng/HS/13 tháng	547.560
	+ Mức thu 14 tháng (HS khối 1)	Đồng/HS/14 tháng	589.680
	+ Mức thu 15 tháng (HS khối 1)	Đồng/HS/15 tháng	631.800
2	**Các khoản thu của tổ chức đoàn thể trong nhà trường**		
2.1	Quỹ nhân đạo	Đồng/HS/năm	10.000
2.2	Quỹ Đội	Làm kế hoạch nhỏ	
3	**Các khoản thu thoả thuận với CMHS**		
3.1	Tiền trông xe đạp	Đồng/xe/tháng	8.000
3.2	Tiền nước uống của học sinh	Đồng/HS/tháng	6.000
3.3	Tiền thuê dọn vệ sinh	Đồng/HS/tháng	10.000
4	**Các khoản thu thoả thuận tự nguyện từ các hoạt động phối hợp trong giáo dục và giáo dục ngoài giờ chính khoá**		
4.1	Tiền học Tiếng Anh Victoria	Đồng/HS/tháng	70.000
4.2	Tiền học Chương trình giáo dục STEM	Đồng/HS/tháng	65.000
	Học liệu STEM	Đồng/HS/tháng	15.000
4.3	Tiền học chương trình Tiếng Anh-Toán	Đồng/HS/tháng	100.000
5	**Tiền BH Bảo Việt**	Đồng/HS/năm	200.000

2.2. Dự kiến các khoản thu và mức thu trong năm học 2025-2026

TT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
1	**Các khoản thu theo quy định**		
1.1	- Bảo hiểm y tế:		
	+ Mức thu 12 tháng (các khối lớp)	Đồng/HS/12 tháng	505.440
	+ Mức thu 13 tháng (HS khối 1)	Đồng/HS/13 tháng	547.560
	+ Mức thu 14 tháng (HS khối 1)	Đồng/HS/14 tháng	589.680
	+ Mức thu 15 tháng (HS khối 1)	Đồng/HS/15 tháng	631.800
2	**Các khoản thu của tổ chức đoàn thể trong nhà trường**		
2.1	Quỹ nhân đạo	Đồng/HS/năm	10.000
2.2	Quỹ Đội	Làm kế hoạch nhỏ	
3	**Các khoản thu thoả thuận với CMHS**		
3.1	Tiền trông xe đạp	Đồng/xe/tháng	8.000
3.2	Tiền nước uống của học sinh	Đồng/HS/tháng	6.000
3.3	Tiền thuê dọn vệ sinh	Đồng/HS/tháng	10.000
4	**Các khoản thu thoả thuận tự nguyện từ các hoạt động phối hợp trong giáo dục và giáo dục ngoài giờ chính khoá**		
4.1	Tiền học Tiếng Anh Victoria	Đồng/HS/tháng	70.000
4.2	Tiền học Chương trình giáo dục STEM	Đồng/HS/tháng	65.000
	Học liệu STEM	Đồng/HS/tháng	15.000
4.3	Tiền học chương trình Tiếng Anh-	Đồng/HS/tháng	100.000

	Toán		
5	**Tiền BH Bảo Việt**	Đồng/HS/năm	200.000

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

Đảm bảo HS thuộc hộ nghèo. HS khuyết tật được hưởng chính sách hỗ trợ theo đúng quy định. Không có học phí

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): Không có.

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở

- Công khai dự toán ngân sách nhà nước cấp.
- Công khai quyết toán tài chính hằng quý, hàng năm.
- Công khai các khoản thu theo phê duyệt của PGD.
- Công khai Quy chế chi tiêu nội bộ.

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm 2024 (*Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)* của trường Tiểu học Đông Kết.

Nơi nhận:
- CB, GV, NV (Để phối hợp);
- PHHS các lớp (Để thực hiện)
- Lưu: Hồ sơ công khai, VT.

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU TỈNH HƯNG YÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐÔNG KẾT

Phan Thị Đào

Số học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh tại trường

Khối lớp	Số HS đầu năm	Số HS chuyển đến	Số HS chuyển đi
1	45	0	0
2	39	0	0
3	34	0	0
4	35	0	0
5	29	0	0
Toàn trường	**182**	0	0

2. Thống kê kết quả đánh giá theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

- Kết quả giáo dục học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 cuối năm học 2023-2024*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

- Kết quả đánh giá năng lực chung của học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 cuối năm học 2023-2024 *(Có biểu chi tiết kèm theo)*

- Kết quả đánh giá năng lực đặc thù của học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 cuối năm học 2023-2024 *(Có biểu chi tiết kèm theo)*

- Kết quả đánh giá năng lực đặc thù của học sinh lớp 3, lớp 4 (Tin học, Công nghệ)cuối năm học 2023-2024 *(Có biểu chi tiết kèm theo)*

- Kết quả đánh giá phẩm chất chủ yếu học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 cuối năm học 2023-2024 *(Có biểu chi tiết kèm theo)*

- Kết quả đánh giá giáo dục của học sinh đối với lớp 5 cuối năm học 2023-2024 *(Có biểu chi tiết kèm theo)*

Kết quả đánh giá phẩm chất học sinh đối với lớp 5 cuối năm học 2023-2024*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

Kết quả môn tiếng anh các lớp 3, 4, 5 cuối năm học 2023-2024 *(Có biểu chi tiết kèm theo)*

Kết quả quả đánh giá năng lực học sinh đối với lớp 5 cuối năm học 2023-2024*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

Có 02 học sinh ôn lại trong hè. Toàn trường có 02 học sinh chưa HTCTLH.

3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh đợc cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh được trúng tuyển vào các cơ sở nghề nghiệp, trúng tuyển vào đại học

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: Năm học 2022-2023: 53, Năm học 2023-2024: 29.
- Số lượng học sinh được trúng tuyển vào lớp 6: 29

7. **KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**

a. Công khai chi tiết tài chính năm 2023

Căn cứ kế hoạch dự thu – chi năm học 2023-2024;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-PGDĐT ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Khoái Châu Về việc Về việc phê duyệt phương án phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước cho các đơn vị trường học huyện Khoái Châu năm 2023.

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-PGDĐT ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Khoái Châu Về việc phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước cho các đơn vị;

Căn cứ Quyết định số 56/QĐ-PGDĐT ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Khoái Châu Về việc điều chỉnh phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước cho các đơn vị trường học năm 2024;

Nay nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau:

***) Nguồn ngân sách:**

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	**Tổng số thu, chi, tiền học phí**	**0**
I	**Dự toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	**-**
1	**Số thu phí, lệ phí**	**-**
a	Học phí	
b	Thu từ cấp bù học phí	
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**-**
2.1	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**-**
a	Chi lương	-
b	Chi hoạt động	-
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**7.758.022.815**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**7.758.022.815**

3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**6.604.212.036**
3.1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	**6.604.212.036**
3.11	Quỹ tiền lương	5.165.803.517
3.12	Chi hoạt động	1.438.408.519
3.2	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**1.153.810.779**
3.2.1	Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm bổ sung cơ sở vật chất	**679.0000.000**
3.2.2	Trẻ ăn trưa 3,4,5 tuổi	0
3.2.3	Cấp bù miễn giảm học phí	0
3.2.4	Giáo viên dạy lớp ghép và tăng cường Tiếng Việt	0
3.2.5	Kinh phí nuôi sinh	0
3.2.6	Chi phí học tập	0
3.2.7	Học sinh khuyết tật	0
3.2.8	Giáo viên dạy học sinh khuyết tật	0
3.2.9	Chế độ của NĐ 76/2019/NĐ-CP	0
3.2.10	Kinh phí cải cách tiền lương	0
3.2.11	Các chế độ khác	0
3.2.12	Chi khác	474.810.779

b. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với ngời học thuộc diện đợc hưởng chính sách xã hội năm học 2023-2024

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng đợc hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 75/2021/NQ-HĐND			
Học kỳ 1 năm học 2023-2024	0	0	
Học kỳ 2 năm học 2023-2024	0	0	
Đối tượng được hỗ trợ học bổng và phương tiện đồ dùng dạy học: Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐTBLĐTBXH			
Hỗ trợ học bổng	0	0	
Học kỳ 1 năm học 2023-2024	0	0	

Học kỳ 2 năm học 2023-2024	0	0	
Hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập			
Học kỳ 1 năm học 2023-2024	0	0	
Học kỳ 2 năm học 2023-2024	0	0	

c. Công khai các khoản thu năm học 2023-2024 và dự kiến 2 năm tiếp theo

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
	Năm học 2023-2024			
2	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
3	Tiền phô tô để kiểm tra	đồng/học sinh/ năm học	15 000đ	Thực hiện theo NQ 13/2021 – HDND tỉnh BK
	Năm học 2024-2025			
1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
2	Tiền phô tô để kiểm tra	đồng/học sinh/ năm học	15 000đ	Thực hiện theo NQ 13/2021 – HDND tỉnh BK
	Năm học 2025-2026			
1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
2	Tiền phô tô để kiểm tra	đồng/học sinh/ năm học	15 000đ	Thực hiện theo NQ 13/2021 – HDND tỉnh BK

d. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2023

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng		
2	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	254.200.204	TK 3713.0.1067759.00000

e. Công khai quyết toán thuế TNCN năm 2023

STT	Nội dung	ĐVT	Số người/Số tiền	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại đơn vị	Người	35	
II	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	Đồng	2.602.375.893	
III	Các khoản giảm trừ		0	
	Số lượng NPT tính giảm trừ		0	
1	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh		4.620.000.0000	
2	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học		0	
3	Bảo hiểm được trừ		0	
4	Bảo hiểm được trừ		273.249.350	
V	Thu nhập tính thuế		0	

f. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2024

STT	Nội dung	Dự toán thu năm 2024	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Dự toán thực hiện 6 tháng Cuối năm 2024	Dự toán thực hiện (6 tháng đầu năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	**Tổng số thu, chi, nguồn dịch vụ**				
1	Phô tô đề ktra	**0**	**0**	**0**	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**7.758.022.815**	**4.166.499.636**	**3.591.523.179**	

1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	**6.604.212.036**	**3.215.253.857**	**3.388.958.179**	
	Tiền lương		1.245.859.200	1.719.616.968	
	Lương hợp đồng theo chế độ				
	Phụ cấp lương		714.667.605	929.067.886	
	Các khoản đóng góp		345.391.513	449.008.966	
	Tiền thưởng				
	Phúc lợi tập thể				
	Thanh toán dịch vụ công cộng		3.876.952	3.876.952	
	Vật tư văn phòng		20.010.880	30.000.000	
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		7.776.427	7.776.427	
	Công tác phí		6.270.000	31.890.000	
	Chi phí thuê mướn		139.183.900	150.094.080	
	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên		545.276.800	35.000.000	
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		121.756.080	18.000.000	
	Chi khác		65.463.500	14.626.900	
2	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**1.153.810.779**	**951.245.779**	**202.565.000**	

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Dạy thử nghiệm chương trình Giáo dục Stem: 100% các lớp, các giáo viên xậy dựng được bài giàng áp dung phương pháp dạy Stem, cươi năm học tổ chức ngày hội Stem cấp trường và có sản phẩm tham dự ngày hội Stem cấp huyện, cấp tỉnh.

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm 2023 (*Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)* của trường Tiểu học Đông Kết.